TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019
Về: Tranh chấp "Ly hôn,con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Bà Nguyễn Thị Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn, con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-HN ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Đường T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự tìm hiểu, tự nguyện tổ chức cưới vào năm 1997, không đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, cha mẹ anh H cho đất làm nhà ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mua xe tải cho anh H ở nhà vừa kinh doanh vận tải vừa chăm sóc con cái, còn chị mua bán tại Sài Gòn cứ 1-2 tháng chị về nhà một lần, do đó anh H ngoại tình, năm 2013 anh dẫn người phụ nữ khác về nhà của vợ chồng sống chung trong lúc chị đang buôn bán ở Sài Gòn, từ đó gặp nhau là anh H kiếm chuyện gây gỗ, chửi bới, đánh đập. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh ngày 08/10/1999; Nguyễn Thị Thiên N2, sinh ngày 02/12/2001; Nguyễn Thành H, sinh ngày

19/02/2008. Ly hôn, chị yêu cầu các con muốn ở với ai thì người đó nuôi con.

Tài sản chungkhông yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:* Thống nhất như chị T về thời gian và điều kiện sống chung, con chung.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, cùng nhau đi buôn bán ở Sài Gòn, các con gửi cho cha mẹ anh chăm sóc, năm 2012 để có thời gian chăm sóc, lo cho các con nên vợ chồng thống nhất để anh về quê mua xe tải kinh doanh vận tải hàng hóa, còn chị T vẫn buôn bán ở Sài Gòn, do sống xa nhau nên chị T nghi ngờ anh ngoại tình nên phát sinh mâu thuẫn, trước đây có lần T làm đơn ly hôn sau đó lại rút đơn

Nay mâu thuẫn thực sự trầm trọng, không thể nào khắc phục được nữa nên anh thống nhất ly hôn.

Hiện nay hai con Nguyễn Thị Thiên N2; Nguyễn Thành H đang ở với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị T giữ nguyên lời khai và yêu cầu về hôn nhân và con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Anh H có đơn xin vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:*

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là vợ chồng do không đăng ký kết hôn. Con chung giao 02 con Nguyễn Thị Thiên N2; Nguyễn Thành H (đang ở với anh H) cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn hợp lệ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1997 rồi chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên việc sống chung của hai anh chị không hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc,sinh được 03 con chung, cả hai yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cùng nuôi dạy con cái, lo làm ăn vun vén của cải cho gia đình, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, do quá chú trọng vào việc phát triển kinh tế gia

đình mà cả hai chấp nhận mỗi người sống một nơi, anh H sống ở Nhơn An, vừa kinh doanh vận tải, chăm sóc các con, còn chị T buôn bán tại Sài Gòn, một hai tháng mới về nhà một hai ngày nên không có điều kiện gần gũi nhau chăm sóc lẫn nhau, do vậy không thông cảm cho nhau về những vấn đề phát sinh trong cuộc sống hàng ngày, dần dần tình cảm phai nhạt, cả hai thiếu niềm tin đối với nhau, nghi ngờ sự chung thủy của nhau nên gặp nhau là cãi cọ làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được.

Nay cả hai đều xét thấy không thể chung sống được nữa nên thỏa thuận ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng do khi tổ chức cưới không đăng ký kết hôn nên áp dụng khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là vợ chồng

[2.2] Về con chung: có 03 đứa tên Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh ngày 08/10/1999; Nguyễn Thị Thiên N2, sinh ngày 02/12/2001; Nguyễn Thành H, sinh ngày 19/02/2008, hiện cháu N1 đã trưởng thành, muốn ở với ai thì tùy, còn hai cháu N2, H đang ở với anh H. Chị T xác định các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, còn anh H yêu cầu được nuôi 02 con (N2, H) mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: hiện tại anh H đang sống tại nhà do vợ chồng xây dựng trên đất của cha mẹ anh, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, 02 cháu N2, H đang ở với cha, được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục tốt, cả 02 đều có nguyện vọng được ở với cha nên tiếp tục giao 02 con cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

[2.3] Về tài sản chung:Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: có 03 đứa tên Nguyễn Thị Mỹ N1 (nữ), sinh ngày 08/10/1999; Nguyễn Thị Thiên N2 (nữ), sinh ngày 02/12/2001; Nguyễn Thành H (nam), sinh ngày 19/02/2008, hiện cháu N1 đã trưởng thành, muốn ở với ai thì tùy, còn hai cháu N2, H đang ở với anh H, tiếp tục giao cho anh H nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con (Nguyễn Thị Thiên N2, Nguyễn Thành H) cho chị Nguyễn Thị T do anh Nguyễn Ngọc H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004559 ngày 04/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn

5/ Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Dung

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.